

Số: 18/2024/QĐST-DS

Lập Thạch, ngày 30 tháng 9 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 147, 157, 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 20 tháng 9 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 34/2024/TLST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng N1 (A1)**; Địa chỉ: **Số B, L, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội.**

+ Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Toàn V** - Chức vụ: Tổng giám đốc **Ngân hàng N1.**

+ Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần Đăng K** - Chức vụ: Giám đốc **Ngân hàng N1 – chi nhánh L** (theo văn bản ủy quyền số 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022)

+ Người được ủy quyền lại: Ông **Nguyễn Công H** - Chức vụ: Trưởng phòng khách hàng **Ngân hàng N1 chi nhánh huyện L** (theo văn bản ủy quyền ngày 10/7/2024).

- Bị đơn: Ông **Dương Văn V1** sinh năm 1960; địa chỉ: **Thôn G, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.**

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Anh **Dương Hải A**, sinh năm 1984

- Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1959

Đều cư trú: **Thôn G, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.**

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông **Dương Văn V1**, bà **Nguyễn Thị N** có trách nhiệm trả nợ cho **Ngân hàng N1** đến ngày 20/9/2024 theo hợp đồng tín dụng số 2808LAV201902746 ngày 23/8/2019 và báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ ngày 27/8/2020 tổng số tiền: 120.237.610 đồng (*Một trăm hai mươi triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn sáu trăm mười đồng*). Trong đó: Nợ gốc: 80.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 19.191.788 đồng, lãi quá hạn: 21.045.822 đồng.

- Ngày 30/12/2024 ông **Dương Văn V1** và bà **Nguyễn Thị N** trả **Ngân hàng N1** số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) tiền nợ gốc;

- Ngày 31/3/2025 ông **Dương Văn V1** và bà **Nguyễn Thị N** trả **Ngân hàng N1** số tiền 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*) tiền nợ gốc và toàn bộ số tiền lãi 40.237.610 đồng (*Bốn mươi triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn sáu trăm mười đồng*).

Kể từ ngày 21/9/2024 cho đến khi thi hành xong, ông **Dương Văn V1** và bà **Nguyễn Thị N** còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất 18%/năm.

Trường hợp ông **Dương Văn V1** và bà **Nguyễn Thị N** không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ cho **Ngân hàng N1** thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 18, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.440m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 453651 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 16/9/2029 đứng tên hộ ông **Dương Văn V1**, địa chỉ: **Thôn G, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc** được giới hạn tại các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 1 (có sơ đồ chi tiết kèm theo) theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 345429195/HĐTC/2018 ngày 16/8/2018. Nếu số tiền thu từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để thu hồi nợ, ông **V1**, bà **N** vẫn phải có nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi phát sinh cho Ngân hàng cho đến khi trả xong nợ bằng các nguồn thu và tài sản khác của mình.

- Về chi phí tố tụng: Ông **Dương Văn V1** và bà **Nguyễn Thị N** phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Buộc ông **Dương Văn V1** và bà **Nguyễn Thị N** có trách nhiệm hoàn trả cho **Ngân hàng N1** số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 6.400.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án số tiền trên người phải thi hành án không trả được thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông **Dương Văn V1** và bà **Nguyễn Thị N** phải chịu 3.005.940 đồng, làm tròn là 3.005.500 đồng (Ba triệu không trăm linh năm nghìn năm trăm đồng); Hoàn trả **Ngân hàng N1** số tiền tạm ứng án phí là 4.558.000 đồng (Bốn triệu năm trăm năm mươi tám nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000332 ngày 29 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Lập Thạch;
- Chi cục THADS huyện Lập Thạch;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Kim Thị Ánh Vân

